

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 25-11-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Liên.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:** Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 816/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị La T; cư trú tại: 584/10B đường B, thành phố Q, Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Hoài N; cư trú tại: 27 đường L, thành phố Q, Bình Định (Có mặt).

Người kháng cáo: Anh Phạm Hoài N là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị La T và anh Phạm Hoài N kết hôn ngày 28/11/2011, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường, cho đến đầu năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân. Theo chị T, nguyên nhân do anh N không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không có thu nhập, mọi chi phí trong gia đình đều do chị lo liệu. Trước đây, chị có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N, nhưng được Tòa động viên, hòa giải và để cho anh N có cơ hội sửa đổi, nên chị đã rút đơn khởi kiện. Sau khi chị rút đơn khởi kiện ly hôn, anh N vẫn không thay đổi, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần động viên hàn gắn, nhưng không kết quả. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn anh N. Còn anh N cho rằng vợ chồng hay cãi nhau do mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con và do anh không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, nên cũng ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng vì con còn nhỏ, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T anh N thống nhất có 01 con chung là Phạm Võ Gia H, sinh ngày 13/7/2014, đang ở với chị T, sức khỏe bình thường. Anh chị thống nhất để chị T nuôi cháu H, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T anh N thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 816/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị La T được ly hôn anh Phạm Hoài N.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Chị Võ Thị La T và anh Phạm Hoài N có 01 con chung là Phạm Võ Gia H, sinh ngày 13/7/2014.

2.2. Giao cháu Phạm Võ Gia H cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N đến khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị La T và anh Phạm Hoài N không yêu cầu, nên Tòa không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, bị đơn anh Phạm Hoài N kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hoài N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoài N kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, nhưng chị Võ Thị La T không đồng ý. Thấy rằng: Anh N và chị T kết hôn ngày 28/11/2011, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị vẫn chung sống bình thường, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân, do anh N không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, kinh tế khó khăn, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị T lo liệu, nên vợ chồng luôn cãi vã. Trước đây, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N, nhưng xin rút đơn để anh N có cơ hội sửa đổi, nhưng anh vẫn không thay đổi. Mặc dù Tòa vẫn kiên trì hòa giải, nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm niềm tin vợ chồng không còn. Còn anh N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con còn nhỏ, anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, trình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì kháng cáo của anh N không được chấp nhận, nên anh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về quan hệ con chung, tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hoài N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hoài N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị La T được ly hôn anh Phạm Hoài N.

2. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về quan hệ con chung, về tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Anh Phạm Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008500 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, anh N đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THA dân sự thành phố Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, Tòa GD&NCTN.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thúy Liên**